

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH K HÒA**

Bản án số: **39/2024/DS-ST**

Ngày 24-5-2024

V/v “Tranh chấp về thừa kế
T3 sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH K HÒA

T9 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hoa

Bà Lê Thị Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Thắm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà, tỉnh K Hoà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hải – Kiểm sát viên

Ngày 29/9/2023, ngày 19/10/2023 và ngày 24/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế T3 sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXX-ST ngày 31/8/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 96/2023/QĐST-DS ngày 13/9/2023, thông báo thời gian tiếp tục phiên tòa số 184/TB-TA ngày 15/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Sĩ D**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn P, xã X, thị xã N, tỉnh K Hoà

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức Q, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, thị xã N, tỉnh K Hoà.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Quốc T**, sinh năm 1963. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, thị xã N, tỉnh K Hoà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị TH T1, sinh năm 1964. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã X, thị xã N, tỉnh K Hoà

2. Ông Lê Quốc K, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, thị xã N, tỉnh K Hoà.

3. Bà Lê Thị TH T2, sinh năm 1964. Có mặt.

4. Ông Lê Quốc Đ, sinh năm 1973. Có mặt.

5. Ông Phan M, sinh năm 1947. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

6. Ông Phan T3, sinh năm 1971. Vắng mặt

7. Ông Phan Ngọc P, sinh năm 1978. Vắng mặt
8. Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1980. Vắng mặt
9. Bà Lương Thị T4, sinh năm 1955. Vắng mặt
10. Ông Lê Ngọc TH, sinh năm 1982. Vắng mặt
11. Bà Lê Thị Thanh T5, sinh năm 1987. Vắng mặt
- Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh K Hòa.
12. Bà Phan Thị Lộc, sinh năm 1974. Vắng mặt
- Địa chỉ: Thôn P, xã B, thị xã N, tỉnh K Hòa.
13. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1978. Vắng mặt
- Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh K Hòa
14. Bà Lê Thị Thiên P, sinh năm 1993. Vắng mặt
- Địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã N, tỉnh K Hòa
15. Bà Lê Thị Kiều T6, sinh năm 1992. Có mặt
- Địa chỉ: Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh K Hòa.
16. Bà Ngô Thị Ngọc L3, sinh năm 1971
17. Ông Ngô Thanh T5, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, thị xã N, tỉnh K Hòa. Bà L3 và ông T5 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Đức Q trình bày:

Ông Lê N (chết năm 1988) và bà Nguyễn Thị L7 (chết năm 2012), có 10 người con gồm Lê T8 (tên gọi khác là Ngô Duy A – chết năm 1980); Lê Thị V (chết năm 2020); Lê Sĩ H (chết năm 2012); Lê Quốc T9 (chết năm 1992); Lê Sĩ D; Lê Quốc T; Lê Thị TH T2; Lê Thị TH T1; Lê Quốc Đ; Lê Quốc K.

Ông Lê T8 theo giấy khai sinh tên Lê T8, nhưng khoảng năm 1969, ông T8 đi lính và đổi tên T9 Ngô Duy A. Ông A có vợ là Võ Thị L6, con là Ngô Thị Ngọc L3 và Ngô TH T5. Năm 1975, ông đi lính ở Gia Lai, những người đi lính cùng báo là ông T8 (A) đã chết nhưng không xác định được ngày chết cụ thể. Ông Lê Sĩ D đã yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông Lê T8 (tên gọi khác là Ngô Duy A) đã chết. Ngày 02/4/2024, Tòa án nhân dân thị xã N ban hành Quyết định số 04/2024/QĐST-DS, tuyên bố ông Lê T8 (tên gọi khác Ngô Duy A) sinh năm 1946; địa chỉ cư trú cuối cùng: Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa là đã chết. Ngày chết của ông T8 (A) được xác định là ngày 01/5/1980.

Bà V có chồng là Phan M, con là Phan T3, Phan Thị Lộc, Phan Ngọc P và Phan Thị Kim L. Ông H có vợ là Lương Thị T4, con là Lê Thị L1, Lê Ngọc TH, Lê Thị TH T5, Lê Thị Thiên P. Ông Lê Quốc T9 có con là Lê Thị Kiều T6.

Di sản bà L7 để lại là quyền sử dụng đất và T3 sản trên đất thuộc thửa 871, tờ bản đồ 22, diện tích hiện trạng 872,2m² (trên đất có 01 căn nhà cấp 4) được UBND

huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất say đây ghi là GCN) ngày 19/6/2006 số AD 794797 cho hộ bà Nguyễn Thị L7.

Bà L7 chết không để lại di chúc, do đó ông D yêu cầu chia di sản của bà L7 theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của L7 gồm 10 người con nên trên. Ông Lê T8 chết năm 1980 và ông Lê Quốc T9 chết năm 1992, chết trước bà L7 (ngày 22/02/2012) nên căn cứ Điều 652 Bộ luật dân sự quy định về thừa kế thế vị, bà Lê Thị Kiều T6 được hưởng phần thừa kế của ông T9, bà Ngô Thị Ngọc L3 và ông Ngô TH T5 được hưởng phần thừa kế của ông T8 (A). Bà Lê Thị V chết năm 2020 và ông Lê Sĩ H chết ngày 08/11/2012, chết sau bà L7 nên hàng thừa kế thứ nhất của bà V (chồng và con của bà V) và ông H (vợ và con của ông H) được nhận kỷ phần thừa kế của bà V và ông H.

Ông D yêu cầu được nhận toàn bộ di sản bằng hiện vật và hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền cho những người thừa kế còn lại. Di sản này các đồng thừa kế đều có công sức đóng góp, giữ gìn như nhau nên đề nghị Tòa án chia đều các phần thừa kế như nhau. Tuy nhiên, khi mẹ còn sống, ông T đã bỏ ra số tiền 20.000.000 đồng để làm sân và trụ cổng nên đồng ý hoàn trả cho ông T số tiền trên trong tổng giá trị di sản.

Theo kết quả thẩm định giá T3 sản thì giá trị di sản là 3.146.498.000 đồng, trừ chi phí trả lại cho ông T là 20.000.000 đồng, còn lại 3.126.498.000 đồng, chia cho 10 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị 312.649.800 đồng.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất ruộng được cấp theo Nghị định 64 là thửa 943, tờ bản đồ 23; thửa 741, 742, 743, 744, 745, tờ bản đồ 20 tọa lạc tại Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh K Hòa. Nay ông xin rút yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất ruộng được cấp theo Nghị định 64 nói trên.

2. Ý kiến của bị đơn ông Lê Quốc T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông thống nhất ý kiến của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế do mẹ để lại. Ông đồng ý chia di sản nói trên theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của mẹ ông T9 10 phần. Ông đồng ý nhận giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền sau khi trừ chi phí 20.000.000 đồng mà ông đã làm sân và trụ cổng như ông Quân trình bày.

3. Ý kiến của bà Lê Thị TH T2, bà Lê Thị TH T1, ông Lê Quốc K, ông Lê Quốc Đ có trong hồ sơ và tại phiên tòa:

Ông bà thống nhất ý kiến của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế do mẹ để lại. Ông bà đồng ý chia di sản nói trên theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của bà L7 T9 10 phần, đồng ý nhận giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền sau khi trừ chi phí 20.000.000 đồng mà ông T đã làm sân và trụ cổng như ông Quân trình bày.

4. Ý kiến của ông Phan M có trong hồ sơ thể hiện:

Ông và bà Lê Thị V là vợ chồng, bà V chết năm 2020. Vợ chồng ông có 04 người con chung là Phan T3, Phan Thị Lộc, Phan Ngọc P, Phan Thị Kim L. Ông biết di sản do bà Nguyễn Thị L7 để lại là nhà đất thuộc Thôn T, xã B, ông không biết thuộc thửa đất số mấy. Vợ chồng ông và các con của ông không có công sức đóng

góp đôi với di sản do bà L7 để lại. Ông Lê Sĩ D yêu cầu chia di sản thừa kế do bà L7 để lại, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

5. Ý kiến của ông Phan T3, bà Phan Thị Kim L và bà Phan Thị Lộc có trong hồ sơ thể hiện:

Ông bà là con của bà Lê Thị V và ông Phan M. Bà V chết năm 2020. Cha mẹ ông bà có 04 người con chung là Phan T3, Phan Thị Lộc, Phan Ngọc P, Phan Thị Kim L. Ông Lê Sĩ D khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị L7 để lại, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền. Ông bà không có công sức đóng góp gì đối với di sản của bà L7.

6. Ông Phan Ngọc P đã được triệu tập hợp L3 nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

7. Ý kiến của bà Lương Thị T4 có trong hồ sơ thể hiện:

Bà là vợ của ông Lê Sĩ H, ông H chết năm 2012. Bà và ông H có 04 người con là Lê Thị L1, Lê Ngọc TH, Lê Thị TH T5, Lê Thị Thiên P. Ông Lê Sĩ D khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị L7 để lại, bà thống nhất chia di sản của bà L7 theo pháp luật.

8. Ý kiến của ông Lê Ngọc TH, bà Lê Thị L1, bà Lê Thị TH T5, bà Lê Thị Thiên P có trong hồ sơ thể hiện:

Ông bà là con của ông Lê Sĩ H và bà Lương Thị T4, ông H chết năm 2012. Ông Lê Sĩ D khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị L7 để lại, ông bà thống nhất chia di sản của bà L7 theo pháp luật và yêu cầu nhận giá trị bằng tiền.

9. Ý kiến của bà Lê Thị Kiều T6 có trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện:

Bà là con của ông Lê Quốc T9. Ông T9 chết năm 1992. Ông Lê Sĩ D khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị L7 để lại, bà thống nhất chia di sản của bà L7 theo pháp luật T9 10 phần, đồng ý nhận giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền sau khi trừ chi phí 20.000.000 đồng mà ông T đã làm sân và trụ cổng như ông Quân trình bày.

10. Ý kiến của bà Ngô Thị Ngọc L3 và ông Ngô TH T5 có trong hồ sơ thể hiện:

Ông bà là con của ông Ngô Duy A. Ông bà nghe kể lại cha của ông bà trước đây tên Lê T8, sau đó đi lính rồi đổi tên T9 Ngô Duy A. Ông Lê Sĩ D khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị L7 để lại, ông bà thống nhất chia di sản của bà L7 theo pháp luật và yêu cầu nhận giá trị thừa kế bằng tiền.

11. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hoà phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các T3 liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Nguyễn Thị L7 là quyền sử dụng đất và T3 sản trên đất thuộc thửa đất số 871, tờ bản đồ 22 tại Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh K Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T3 liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan M, bà Ngô Thị Ngọc L3, ông Ngô TH T5 vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Phan T3, bà Phan Thị Lộc, ông Phan Ngọc P, bà Phan Thị Kim L, bà Lương Thị T4, bà Lê Thị L1, ông Lê Ngọc TH, bà Lê Thị TH T5, bà Lê Thị Thiên P đã được triệu tập hợp L3 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

Theo thông báo số 795/TB-TA ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã N về việc bổ sung bà Võ Thị L6 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là người thừa kế của ông Lê T8 (tên gọi khác là Ngô Duy A). Tuy nhiên theo quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-DS ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã N, xác định ông Lê T8 chết ngày 01/5/1980 (chết trước bà Nguyễn Thị L7) nên các con của ông T8 là bà Ngô Thị Ngọc L3, ông Ngô TH T5 được thừa kế thế vị đối phần thừa kế ông T8 được hưởng của bà L7. Do đó xác định không đưa bà Võ Thị L6 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nói trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn ông Lê Sĩ D yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và T3 sản trên đất thuộc thửa đất số 871, tờ bản đồ 22 tại Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh K Hòa đối với bị đơn ông Lê Quốc T, địa chỉ: thôn Xuân Hòa 2, xã Ninh Phụng, thị xã N, tỉnh K Hòa. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về thừa kế T3 sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về hàng thừa kế của người để lại di sản:

Ông Lê N (chết năm 1988) và bà Nguyễn Thị L7 (chết ngày 22/02/2012), không để lại di chúc. Ông N và bà L7 có 10 người con chung là bà Lê Thị V (chết năm 2020), ông Lê Sĩ H (chết ngày 08/11/2012), ông Lê T8 (chết năm 1980), ông Lê Quốc T9 (chết năm 1992), ông Lê Sĩ D, ông Lê Quốc T, bà Lê Thị TH T2, bà Lê Thị TH T1, ông Lê Quốc Đ, ông Lê Quốc K.

Bà V có chồng là Phan M, con là Phan T3, Phan Thị Lộc, Phan Ngọc P, Phan Thị Kim L. Ông H có vợ là Lương Thị T4, con là Lê Thị L1, Lê Ngọc TH, Lê Thị TH T5, Lê Thị Thiên P. Ông Lê Quốc T9 có con là Lê Thị Kiều T6. Ông Lê T8 (tên gọi khác là Ngô Duy A) có con là Ngô Thị Ngọc L3, Ngô TH T5.

Theo quy định tại Điều 650 của Bộ luật Dân sự, bà Nguyễn Thị L7 chết không để lại di chúc nên di sản của bà L7 được chia thừa kế theo pháp luật.

Điều 651 của Bộ luật Dân sự quy định: “Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết”.

Bà L7 có 10 người con, chồng và cha mẹ đều đã chết nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà L7 gồm 10 người con nêu trên.

Ông Lê T8 chết năm 1980 và ông Lê Quốc T9 chết năm 1992, chết trước bà L7 (ngày 22/02/2012) nên căn cứ Điều 652 Bộ luật dân sự quy định về thừa kế thế vị, bà Lê Thị Kiều T6 được hưởng phần thừa kế của ông T9, bà Ngô Thị Ngọc L3 và ông Ngô TH T5 được hưởng phần thừa kế của ông T8 (A).

Bà Lê Thị V chết năm 2020 và ông Lê Sĩ H chết ngày 08/11/2012 (chết sau bà L7) nên hàng thừa kế thứ nhất của bà V và ông H được nhận kỷ phần thừa kế của bà V và ông H. Hàng thừa kế thứ nhất của bà V gồm chồng là Phan M, con là Phan T3, Phan Thị Lộc, Phan Ngọc P, Phan Thị Kim L. Hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm vợ là Lương Thị T4, con là Lê Thị L1, Lê Ngọc TH, Lê Thị TH T5, Lê Thị Thiên P.

[3.2]. Về di sản của bà Nguyễn Thị L7:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận thửa đất 871, tờ bản đồ 22 tại Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh K Hòa là di sản do bà L7 tạo lập, được UBND huyện N cấp GCN số AĐ 794797 ngày 19/6/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị L7 có diện tích 950m², diện tích đo đạc theo hiện trạng là 872,2m² (trên đất có 01 căn nhà cấp 4). Do đó xác định quyền sử dụng đất và T3 sản trên đất thuộc thửa 871 nói trên là di sản của bà Nguyễn Thị L7.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2023 và kết quả thẩm định giá T3 sản theo chứng thư số 105/TĐG-CT ngày 17/7/2023 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Tiến – Chi nhánh K Hòa thể hiện:

- Thửa đất 871 có diện tích theo GCN là 950m², theo hiện trạng đo đạc còn lại là 872,2m², giảm 77,8m² so với GCN do trước đây đo đạc tính diện tích không chính xác, mục đích sử dụng đất gồm 170m² đất ONT, 702,2m² đất CLN (trong đó có 62,7m² đất thuộc quy hoạch giao thông) có giá 2.921.071.500 đồng.

- T3 sản trên đất có:

- + 01 căn nhà cấp 4 (nhà chính) có diện tích 46,6m² có giá 102.520.000 đồng
- + nhà phụ (nhà sau và nhà bếp) có diện tích 94,9m² có giá 113.880.000 đồng
- + nhà vệ sinh có diện tích 2,7m² có giá 810.000 đồng
- + sân bê tông có diện tích 74,9m² có giá 2.996.000 đồng
- + giếng nước có giá: 2.750.000 đồng
- + hàng rào có giá 570.000 đồng
- + công, trụ công có giá 1.100.000 đồng
- + 02 cây dừa có giá 800.000 đồng.

- Tổng giá trị T3 sản là 3.146.497.500 đồng, làm tròn 3.146.498.000 đồng.

Tại phiên tòa các đương sự có mặt thống nhất trừ số tiền 20.000.000 đồng trong giá trị di sản đã thẩm định giá 3.146.498.000 đồng hoàn trả cho ông T, còn lại chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của bà L7 gồm 10 người con: 3.146.498.000 đồng – 20.000.000 đồng = 3.126.498.000 đồng : 10 phần = 312.649.800 đồng.

Do đó giá trị mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 312.649.800 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Lê Quốc K ở cùng bà L7 trên căn nhà của thửa 871 được một thời gian thì chuyển đi nơi khác sinh sống. Ông Lê Quốc Đ ở với bà L7 từ nhỏ, không có vợ và con. Sau khi bà L7 chết, ông Lê Quốc Đ tiếp tục ở trên căn nhà của thửa 871. Một thời gian sau thì bà Lê Thị TH T2 đến ở cùng ông Đ, hiện nay ông Đ và bà T2 ở tại nhà đất nói trên.

Bà L7 chết không để lại di chúc, các con của bà L7 đều thừa nhận có công sức đóng ngang nhau vào di sản của L7 và thống nhất chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của bà L7. Ông D yêu cầu được nhận toàn bộ di sản, TH toán lại giá trị bằng tiền cho những người thừa kế còn lại và TH toán lại cho ông T số tiền 20.000.000 đồng làm sân và trụ cổng trong tổng giá trị di sản. Những người thừa kế còn lại có mặt tại phiên tòa thống nhất giao di sản cho ông D sở hữu, quản lý, sử dụng và yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền đối với kỷ phần thừa kế được hưởng.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Đ và bà T2 hiện tại ở tại nhà đất nói trên và thống nhất yêu cầu nhận giá trị thừa kế bằng tiền, những người thừa kế còn lại hiện tại đều có chỗ ở ổn định và thống nhất nhận giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao toàn bộ di sản của bà L7 là quyền sử dụng đất và T3 sản gắn liền với đất của thửa 871 cho ông D sở hữu, quản lý, sử dụng, ông D hoàn trả lại giá trị bằng tiền cho các những người thừa kế còn lại mỗi suất với số tiền là 312.649.800 đồng và hoàn trả cho ông T 20.000.000 đồng.

[3.3]. Theo đơn khởi kiện, ông D yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất ruộng được cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L7 theo Nghị định 64 gồm thửa 943, tờ bản đồ 23; thửa 741, 742, 743, 744, 745, tờ bản đồ 20 xã B. Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất ruộng nói trên. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nói trên.

[4]. Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của mỗi kỷ phần được hưởng là $312.649.800 \text{ đồng} \times 5\% = 15.632.490 \text{ đồng}$, gồm:

Ông Lê Quốc Đ, ông Lê Quốc K, bà Lê Thị TH T2, bà Lê Thị Kiều T6 mỗi người phải chịu 15.632.490 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan M, ông Phan T3, ông Phan Ngọc P, bà Phan Thị Kim L, bà Phan Thị Lộc phải chịu 15.632.490 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lương Thị T4, ông Lê Ngọc TH, bà Lê Thị L1, bà Lê Thị Thiên P, bà Lê Thị TH T5 phải chịu 15.632.490 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị Ngọc L3 và ông Ngô TH T5 phải chịu 15.632.490 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Sĩ D, ông Lê Quốc T bà Lê Thị TH T1 thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí đo vẽ 16.391.000 đồng, chi phí thẩm định giá T3 sản 22.000.000 đồng, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.800.000 đồng. Tổng chi phí 40.191.000

đồng : 10 = 4.019.100 đồng. Các đương sự được hưởng 1 suất thừa kế phải chịu 4.019.100 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này nên các đương sự còn lại phải hoàn trả cho lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 157; 165; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 612, 613, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQU14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L3 phí Tòa án,

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Lê Sĩ D về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Nguyễn Thị L7.

Giao cho ông Lê Sĩ D được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất và sở hữu toàn bộ T3 sản trên đất thuộc thửa đất số 871, tờ bản đồ 22 tại Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh K Hòa (có sơ đồ thửa đất kèm theo bản án).

Ông Lê Sĩ D phải TH toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền cho ông Lê Quốc T, ông Lê Quốc K, ông Lê Quốc Đ, bà Lê Thị TH T1, bà Lê Thị TH T2, bà Lê Thị Kiều T6 mỗi người là 312.649.800 đồng.

Ông Lê Sĩ D phải TH toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền cho bà Lương Thị T4, ông Lê Ngọc TH, bà Lê Thị L1, bà Lê Thị Thiên P, bà Lê Thị TH T5 số tiền 312.649.800 đồng.

Ông Lê Sĩ D phải TH toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền cho ông Phan M, ông Phan T3, ông Phan Ngọc P, bà Phan Thị Lộc, bà Phan Thị Kim L số tiền 312.649.800 đồng.

Ông Lê Sĩ D phải TH toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền cho bà Ngô Thị Ngọc L3 và ông Ngô TH T5 số tiền 312.649.800 đồng.

Ông Lê Sĩ D phải TH toán cho ông Lê Quốc T số tiền 20.000.000 đồng.

Ông Lê Sĩ D có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 871, tờ bản đồ 22 tại Thôn T, xã B, thị xã N, tỉnh K Hòa theo quyết định của bản án.

1.2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất ruộng được cấp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị L7 theo Nghị định 64 gồm thửa 943, tờ bản đồ 23; thửa 741, 742, 743, 744, 745, tờ bản đồ 20 xã B.

2. Về án phí:

Ông Lê Quốc Đ, ông Lê Quốc K, bà Lê Thị TH T2, bà Lê Thị Kiều T6 mỗi người phải chịu 15.632.490 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan M, ông Phan T3, ông Phan Ngọc P, bà Phan Thị Kim L, bà Phan Thị Lộc phải chịu 15.632.490 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lương Thị T4, ông Lê Ngọc TH, bà Lê Thị L1, bà Lê Thị Thiên P, bà Lê Thị TH T5 phải chịu 15.632.490 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị Ngọc L3 và ông Ngô TH T5 phải chịu 15.632.490 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông Lê Quốc T, ông Lê Quốc Đ, ông Lê Quốc K, bà Lê Thị TH T2, bà Lê Thị TH T1, bà Lê Thị Kiều T6 mỗi người phải hoàn trả cho ông Lê Sĩ D số tiền 4.019.100 đồng.

Ông Phan M, ông Phan T3, ông Phan Ngọc P, bà Phan Thị Kim L, bà Phan Thị Lộc phải hoàn trả cho ông Lê Sĩ D số tiền 4.019.100 đồng.

Bà Lương Thị T4, ông Lê Ngọc TH, bà Lê Thị L1, bà Lê Thị Thiên P, Lê Thị TH T5 phải hoàn trả cho ông Lê Sĩ D số tiền 4.019.100 đồng.

Bà Ngô Thị Ngọc L3 và ông Ngô TH T5 phải hoàn trả cho ông Lê Sĩ D số tiền 4.019.100 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương